

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2026/DS-ST
Ngày: 09-01-2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mẫn

Bà Phan Thị Ngọc Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025. Giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Phan Văn L - sinh năm: 1962. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp F, xã G, tỉnh An Giang.

-Bị đơn: Ông Diệp Thanh T - sinh năm: 1973. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Huỳnh Trúc L1 - sinh năm: 1976. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Phan Văn L trình bày:
Ông Phan Văn L có cho vợ chồng ông Diệp Thanh T và bà Huỳnh Trúc L1 vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 15/10/2016, ông L cho ông T vay số tiền là 50.000.000 đồng, ông T có làm biên nhận nợ cho ông; ngày 15/11/2016, ông L tiếp tục cho ông T vay số tiền 100.000.000 đồng, ông T có làm biên nhận nợ cho ông và ngày 19/02/2017 (âm lịch), ông L cho ông T vay thêm số tiền là 50.000.000 đồng, lần này thì ông T và bà L1 có làm biên nhận nợ cho ông. Tổng cộng số tiền gốc vay 03 lần là 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/01 tháng, mỗi tháng đóng 6.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ chỉ nói khi nào có thì trả. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà L1 có đóng lãi cho ông L được tổng số tiền lãi là 96.000.000 đồng, đến tháng 10/2017 thì không đóng lãi nữa.

Ông L yêu cầu ông T và bà L1 phải trả cho ông tiền gốc là 200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm từ ngày 19/10/2017 cho đến ngày xét xử và yêu cầu ông T và bà L1 phải thanh toán 01 lần cả tiền gốc và lãi còn lại ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn - ông Diệp Thanh T và bà Huỳnh Trúc L1 trình bày:

Tại bản tự khai và phiên hòa giải, ông T thừa nhận còn nợ ông L tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng, ông T đã đóng lãi cho ông L tổng số tiền là 96.000.000 đồng. Nay ông L khởi kiện thì ông T yêu cầu ông L cho trả dần số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng. Về phần tiền lãi thì ông T yêu cầu ông L giảm bớt do không còn khả năng thanh toán.

Tại bản tự khai, bà L1 xác định bà và ông T có nợ của ông L tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng và bà L1 thống nhất theo lời trình bày của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Văn L khởi kiện yêu cầu ông Diệp Thanh T và bà Huỳnh Trúc L1 phải trả nợ gốc, lãi nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại xã G, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Bị đơn - ông T và bà L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa nhưng ông bà có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc. Xét thấy ông T và bà L1 đã có văn bản trình bày ý kiến, việc vắng mặt của ông bà không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ gốc:

Quá trình giải quyết vụ án, ông L và ông T - bà L1 đều xác định sự việc ông T - bà L1 có hỏi vay của ông L 03 lần vào các ngày 25/10/2016 vay 50.000.000 đồng, ngày 15/11/2016 vay 100.000.000 đồng và ngày 19/02/2017 (âm lịch) vay thêm 50.000.000 đồng, tổng cộng số tiền gốc ông T và bà L1 đã vay là 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/01 tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ chỉ nói khi nào có thì trả.

Ông T và bà L1 thừa nhận các biên nhận nợ do ông L cung cấp đúng là chữ ký của ông bà nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào biên nhận nợ và lời khai của các đương sự và quá trình tranh tụng có cơ sở xác định sự việc ông T và bà L1 có vay vốn của ông L là sự thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, năm 2025 ông L yêu cầu ông T và bà L1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông T và bà L1 không thực hiện.

Các đương sự đã tự nguyện giao kết hợp đồng vay tài sản, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Xét thấy, các bên giao kết hợp đồng vay và không xác định thời hạn trả nợ nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn. Đến năm 2015, ông L yêu cầu trả nợ gốc và nợ lãi nhưng ông T và bà L1 không thực hiện là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông L khởi kiện yêu cầu ông T và bà L1 phải trả tổng số tiền nợ gốc còn thiếu là 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 11, Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi:

Theo đơn khởi kiện, ông L yêu cầu ông T và bà L1 phải lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật là 10%/năm từ ngày 19/10/2017 cho đến ngày xét xử.

Ông L và ông T cùng xác định ông T và bà L1 đã đóng lãi cho ông L tổng số tiền là 96.000.000 đồng. Ông L đồng ý khấu trừ số tiền lãi ông T đã đóng là 96.000.000 đồng.

Ông T xác định, ông và bà L1 đã đóng lại cho ông L tổng cộng 96.000.000 đồng và yêu cầu ông L không tính lãi nữa do ông không còn khả năng trả lãi.

Xét thấy các đương sự cùng xác định mức lãi suất khi thỏa thuận vay là 3%/01 tháng là cao so với quy định của pháp luật. Nay ông L khởi kiện yêu cầu ông T phải trả lãi 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể từ 19/10/2017 đến ngày xét xử là ngày 09/01/2026 là 08 năm 02 tháng 20 ngày.

200.000.000 đồng x 10%/năm x 08 năm 02 tháng 20 ngày là 164.657.534 đồng làm tròn là 164.657.500 đồng. Khấu trừ số tiền ông T và bà L1 đã trả là

96.000.000 đồng. Vậy ông T và bà L1 còn phải trả cho ông L số tiền lãi còn lại là 68.657.500 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 11, Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469, của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc ông T và bà L1 phải liên đới trả cho ông L số tiền nợ gốc còn thiếu là 200.000.000 đồng và nợ lãi còn lại 68.657.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Đối với ý kiến xin trả dần của ông T, ông L không đồng ý nên sẽ được xem xét khi thi hành án.

[2.3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông T và bà L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có ngạch là: 268.657.500 đồng x 5% = 13.432.875 đồng làm tròn là 13.432.900 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ khoản 4 Điều 11, Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn L đối với ông Diệp Thanh T và bà Huỳnh Trúc L1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc Diệp Thanh T và bà Huỳnh Trúc L1 phải liên đới trả cho ông Phan Văn L số tiền nợ gốc còn thiếu là: 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 68.657.500 đồng (*Sáu mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*). Tổng cộng là 268. 657.500 đồng (*Hai trăm, sáu mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí:

Ông T và bà L1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có ngạch là 268.657.500 đồng x 5% = 13.432.875 đồng làm tròn là 13.432.900 đồng (*Mười ba triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn, chín trăm đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, ông L được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 09-01-2026, ông T và bà L1 được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND KV5-AG;
- THADS tỉnh AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An